

Bản án số: 81/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17- 8- 2024

“V/v ly hôn”

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Trần Mộng Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Duyên

Bà Trần Thu Trang.

Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Minh Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 17 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Lê Ngọc C**, sinh năm 2002 (có mặt)

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại Tòa án của nguyên đơn chị Lê Ngọc C:

Chị Lê Ngọc C và anh Nguyễn Thanh T chung sống với nhau năm 2022, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đến ngày 25/10/2022 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, cự cãi bất hoà, làm cho đời sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân gần 02 năm nay. Chị C nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với

nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị C xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Thanh T:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Nguyễn Thanh T nhưng anh không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn và nuôi con của Chị Lê Ngọc C nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

*Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn Chị Lê Ngọc C tiếp tục xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh T; Về con chung, tài sản và nợ chung: Chị C xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh T: Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Chị Lê Ngọc C có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh T. Bị đơn anh Nguyễn Thanh T cư trú tại Ấp X, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là vụ kiện về việc “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Thanh T biết và ấn định thời gian để anh có ý kiến về việc Chị Lê Ngọc C khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T nhưng anh không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Nguyễn Thanh T vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Nguyễn Thanh T nhưng anh Nguyễn Thanh T vẫn có tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Ngọc C và anh Nguyễn Thanh T tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Thái A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 72 ngày 25/10/2022 theo quy tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên xác định hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Chị Lê Ngọc C yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T vắng mặt, đồng thời không gửi văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị C. Qua lời trình bày của chị C cho thấy anh chị chung sống với nhau năm 2022, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đến ngày 25/10/2022 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Thái A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, cự cãi bất hoà, làm cho đời sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân gần 02 năm nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên hòa giải để hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng anh T vắng mặt không có lý do, không thể hiện thiện chí hàn gắn hôn nhân. Vợ chồng không ai quan tâm đến ai và cũng không ai muốn hàn gắn hôn nhân do đó có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được cho nên căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ngọc C, cho Chị Lê Ngọc C được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Ngọc C xác định không có, không yêu cầu giải quyết, anh Nguyễn Thanh T không có ý kiến nên không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc nguyên đơn Chị Lê Ngọc C nộp theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 9; Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm

2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Lê Ngọc C được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Ngọc C xác định chị và anh T không có nên không xem xét.

3. Về án phí: Nguyên đơn Chị Lê Ngọc C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009141 ngày 10/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị C đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Chị C có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu (Dương).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Trần Mộng Thúy**